TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2020
V/v Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đắc Hân

2. Ông Trần Đình Điệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 925/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã H , huyện T , thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 13, xã D , huyện D , tỉnh Nghệ An; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn T ; địa chỉ: Thôn 9, xã H , huyện T , thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 07 tháng 9 năm 2011). Sau khi cưới, vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn 9, xã H . Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi mắng xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Bùi Văn T .

- Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Bùi Văn T có một con chung là Bùi Thị Thanh H , sinh ngày 25 tháng 05 năm 2012. Hiện nay con đang ở cùng với anh T . Khi ly hôn chị T đề nghị anh T tiếp tục nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T đề nghị để chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T trình bầy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để trình bầy, giải quyết vụ việc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyền vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và những người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chị T được ly hôn với anh T . Về con chung: Giao con Bùi Thị Thanh H , sinh ngày 25 tháng 5 năm 2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời khai của chị Phạm Thị T tại Tòa án phù hợp với tài liệu đã giao nộp cho Tòa án, phù hợp với tài liệu xác minh có trong hồ sơ. Tài liệu xác minh thể hiện chị T và anh T có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng khó

có khả năng đoàn tụ. Chị T và anh T đều có khả năng nuôi con. Nguyện vọng của con chung muốn ở cùng với anh T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Bùi Văn T cư trú tại xã H , huyện T , thành phố Hải Phòng; anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt vì bận công việc không đến phiên tòa được. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên có thẩm quyền xét xử vụ án này. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 07 tháng 9 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H , huyện T , thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T .

[3]. Về con chung: Chị T và anh T có một con chung là Bùi Thị Thanh H , sinh ngày 25 tháng 05 năm 2012. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, anh T đang trực tiếp nuôi con chung. Chị T đề nghị được giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay. Vì vậy, tiếp tục giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị đề nghị để chị và anh T tự giao nhận cho nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, mặt khác chưa có lời khai của anh T nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T .

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Thanh H , sinh ngày 25 tháng 05 năm 2012 cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003244 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã H , Thủy Nguyên, Hải Phòng (Giấy CNKH số 56 ngày 07/9/2011);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý